

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHOA CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH BÌNH ĐỊNH

ThS. Bùi Trọng Duy¹

Tóm tắt: Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng hoạt động Thể dục thể thao ngoại khóa của học sinh Trung học phổ thông các huyện miền núi tỉnh Bình Định trên các mặt: Thực trạng công tác lãnh đạo chỉ đạo, nhận thức, nội dung, hình thức, động cơ và nhu cầu tập luyện Thể dục thể thao ngoại khóa của học sinh. Kết quả cho thấy: Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo công tác Thể dục thể thao ngoại khóa đã được quan tâm nhưng hiệu quả chưa cao; Học sinh tập luyện Thể dục thể thao ngoại khóa với nội dung và hình thức đa dạng, phân tán cao ở cả nam và nữ; học sinh có nhu cầu tập luyện Thể dục thể thao ngoại khóa lớn và có động cơ tập luyện Thể dục thể thao ngoại khóa tương đối bền vững. Đây là những căn cứ quan trọng để tiến hành tác động các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho học sinh Trung học phổ thông các huyện miền núi tỉnh Bình Định.

Từ khóa: Nội dung, hình thức, động cơ, nhu cầu, thể dục thể thao ngoại khóa, Trung học phổ thông, miền núi, tỉnh Bình Định.

Abstract: Using conventional scientific research methods to assess the status of extracurricular sports activities of high school students in mountainous districts of Binh Dinh province on the following aspects: Actual situation of leadership direction, awareness, content, form, motivation and training needs of students in extracurricular sports. The results show that: Leadership and direction of extracurricular sports activities have been paid attention but the effectiveness is not high; Students practice extracurricular sports with diverse content and forms, highly dispersed in both boys and girls; students have a great need to practice extracurricular sports and have a relatively sustainable motivation to practice extracurricular sports. These are important bases to implement appropriate solutions to improve the effectiveness of physical education for high school students in mountainous districts of Binh Dinh province.

Keywords: Content, form, motivation, demand, extracurricular sports, high school, mountainous area, Binh Dinh province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xây dựng con người phát triển toàn diện: "Trí, đức, thể, mỹ, lao" đang là vấn đề được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm. Trong những năm gần đây, công tác giáo dục thể chất (GDTC) nói chung và hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa (TDTT NK) nói riêng ở các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được quan tâm và đã đạt được một số kết quả nhất định; tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, đặc biệt là ở các trường trung học phổ thông (THPT) các huyện miền núi.

Đã có một số tác giả nghiên cứu về hoạt động TDTT NK như Mai Văn Muôn (1995, 2001), Mai Thị Bích Ngọc (2017), Đào Tiến Dân (2020), Phạm Thanh Lương (2020), Trần Đình Huy (2021)..., tuy nhiên, chưa có tác giả nào nghiên

cứ đánh giá thực trạng hoạt động TDTT NK tại các trường huyện miền núi tỉnh Bình Định. Do vậy, việc đánh giá chính xác thực trạng hoạt động TDTT NK cho đối tượng nghiên cứu là cần thiết, cấp thiết và có giá trị thực tiễn

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu; quan sát sư phạm; phỏng vấn và toán học thống kê.

Nghiên cứu được tiến hành tại 06 trường THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định gồm: Huyện An Lão: Trường phổ thông Dân tộc nội trú An Lão, Trường THPT An Lão; Huyện Vân Canh: Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Vân Canh và Trường THPT Vân Canh; Huyện Vĩnh Thạnh gồm: Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh và Trường THPT Vĩnh Thạnh.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Thực trạng công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động TDTT NK

Đánh giá thực trạng công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động TDTT NK tại Trường thông qua khảo sát 10 cán bộ quản lý, 25 giáo viên (GV - trong đó có 6 GV GDTC) thuộc 06 trường THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định bằng phiếu hỏi, đồng thời so sánh sự khác biệt kết quả trả lời phỏng vấn của các nhóm đối tượng. Kết quả khảo sát cho thấy:

Về mức độ quan tâm: Lãnh đạo các Trường đã quan tâm tới công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động TDTT NK. 100% cán bộ quản lý và phần lớn GV môn Thể dục và các môn học khác đánh giá lãnh đạo trường đã quan tâm và rất quan tâm tới hoạt động lãnh đạo chỉ đạo hoạt động này.

Về mức độ kịp thời: 100% cán bộ quản lý đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động TDTT NK ở mức kịp thời và rất kịp thời. Tuy nhiên, khi so sánh sự khác biệt kết quả giữa các nhóm chưa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$).

Về tính hiệu quả: 100% cán bộ quản lý đánh giá hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động TDTT NK ở hiệu quả và rất hiệu quả. Khi so sánh sự khác biệt kết quả giữa các nhóm là không sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$) điều đó cho thấy cần phải nâng cao tính hiệu quả trong công tác chỉ đạo của các cấp lãnh đạo đối với công tác hoạt động TDTT NK.

2.2. Thực trạng nhận thức về vai trò, tác dụng của TDTT NK

Đối tượng phỏng vấn: 2060 HS khối 10, khối 11 và khối 12 và 10 cán bộ quản lý, 25 GV (trong đó có 6 GV GDTC) thuộc 06 trường trong diện khảo sát.

Thông kê về mức độ tập luyện TDTT NK thường xuyên được tính theo các mức: Tập luyện TDTT NK thường xuyên: Từ 3 buổi/tuần trở lên, mỗi buổi từ 30 phút trở lên, liên tục trong 6 tháng trở lên; Tập luyện TDTT NK không thường xuyên: Tập luyện TDTT NK từ 2 buổi/ tuần trở xuống; buổi tập dưới 30 phút. Và Không tham gia tập luyện TDTT NK.

Tiền hành khảo sát nhận thức của cán bộ, GV, HS THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định về nhận thức, vai trò và tác dụng của tập luyện TDTT NK thông qua phỏng vấn 2060 HS, 10 cán bộ quản lý, 25 GV bằng phiếu hỏi, đồng thời so sánh về sự khác biệt kết quả trả lời phỏng vấn

giữa các đối tượng. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1. Qua bảng 1 cho thấy:

Nhận thức về tầm quan trọng của tập luyện TDTT NK: Nhận thức về vai trò và tác dụng của TDTT NK của các đối tượng khác nhau là khác nhau. Khi so sánh kết quả phỏng vấn nhận thức về tầm quan trọng và vai trò của GDTC và thể thao trường học của các nhóm đối tượng bằng χ^2 thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng $P < 0.05$. Trong đó, nếu như cán bộ quản lý và GV Thể dục nhận thức đúng về vai trò, tác dụng của tập luyện TDTT NK thì vẫn còn nhiều GV các môn học khác và HS nhận thức chưa đúng về vấn đề này.

Nhận thức về tác dụng của tập luyện TDTT NK: Đa số cán bộ, GV và HS nhận xét tập luyện TDTT NK có tác dụng tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng từ 20% trở xuống tỷ lệ GV khác HS có nhận thức tiêu cực về tác dụng của tập luyện TDTT NK như: Tốn kém thời gian, tốn kém tiền bạc, không có tác dụng hay gây mệt mỏi, ảnh hưởng xấu tới việc học. Đây là một trong các nguyên nhân hạn chế sự phát triển phong trào TDTT NK trong các trường THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định.

2.3. Thực trạng nội dung hoạt động TDTT NK

Khảo sát thực trạng nội dung hoạt động TDTT NK của HS THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định trên cơ sở khảo sát 2060 HS (trong đó có 1080 nam và 980 nữ) thuộc 06 trường THPT các huyện miền núi trên địa bàn tỉnh bằng phiếu hỏi. Kết quả cho thấy: HS THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định tập luyện TDTT NK tương đối nhiều với đa dạng các nội dung tập luyện, bao gồm cả các môn truyền thống và các môn hiện đại, phần lớn là các môn yêu cầu đơn giản về cơ sở vật chất, kinh phí và trang thiết bị tập luyện. Cụ thể:

Về mức độ tham gia tập luyện TDTT NK của HS: Tỷ lệ HS có tham gia tập luyện TDTT NK của các trường THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định đạt hơn 50%, trong đó số lượng HS tập luyện TDTT NK thường xuyên đạt 34.71%. Tỷ lệ tập thường xuyên ở nam cao hơn nữ hơn khoảng 06%. Khi có sánh tỷ mức độ tập luyện TDTT NK của HS nam và HS nữ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức $P < 0.05$, trong đó HS nam tập luyện TDTT NK nhiều hơn HS nữ.

Về nội dung tập luyện TDTT NK: Khảo sát nội dung tập luyện TDTT NK của 1193 HS có tham

Bảng 1. Kết quả khảo sát thực trạng nhận thức về vai trò, tác dụng của hoạt động TDDT NK (n=2095)

Nội dung	Cán bộ quản lý (n=10)		Giáo viên viên TDDT (n=6)		Giáo viên các môn khác (n=19)		Học sinh (n=2060)		So sánh	
	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	χ ²	P
Nhận thức về tầm quan trọng của tập luyện TDDT ngoại khóa										
Rất quan trọng	8	80	6	100	2	10.53	654	31.75	38.45	<0.05
Quan trọng	2	20	0	0	14	73.68	1099	53.35		
Không quan trọng	0	0	0	0	3	15.79	307	14.90		
Tác dụng của TDDT ngoại khóa										
Phát triển thể lực	10	100	6	100	15	78.95	893	43.35	46.64	<0.05
Phát triển hình thái và chức năng cơ thể	10	100	6	100	17	89.47	848	41.17		
Giáo dục ý chí, đạo đức	10	100	6	100	15	78.95	866	42.04		
Giải trí, thư giãn	10	100	6	100	17	89.47	868	42.14		
Tạo hưng phấn, giúp tiếp thu các môn học tốt hơn	10	100	6	100	14	73.68	822	39.90		
Sử dụng quỹ thời gian hợp lý, phòng tránh tệ nạn xã hội	10	100	6	100	15	78.95	831	40.34		
Tốn kém thời gian	2	20	0	0	3	15.79	368	17.86		
Tốn kém tiền bạc	2	20	0	0	4	21.05	583	28.30		
Không có tác dụng	1	10	0	0	2	10.53	347	16.84		
Gây mệt mỏi, ảnh hưởng xấu tới việc học	1	10.00	0	0.00	8	19.05	170	8.25		

gia tập luyện TDDT NK cho thấy nội dung được các em yêu thích tập luyện NK nhiều bao gồm: Điền kinh (đi bộ, chạy...), Thể dục, Bóng đá, cầu lông, Đá cầu và Võ thuật. Các môn thể thao được yêu thích tập luyện bao gồm cả các môn thể thao hiện đại và các môn thể thao truyền thống, phần lớn thiên về các môn yêu cầu không nhiều về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện cũng như tốn ít kinh phí trong quá trình tập luyện. Các môn thể thao khác có tỷ lệ tập luyện ít hơn. Khi so sánh sự khác biệt nội dung tập luyện của HS nam và HS nữ cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P<0.05$), trong đó HS nam tập luyện nhiều các môn: Bóng đá, Bóng chuyền (và Bóng chuyền

hoi), Đá cầu, Võ thuật. Với HS nữ là các môn: Điền kinh (đi bộ, chạy...), Thể dục, Bóng rổ, Cầu lông, Bóng bàn và Cờ vua.

2.4. Thực trạng hình thức hoạt động TDDT NK

Tiến hành đánh giá thực trạng hình thức tổ chức tập luyện TDDT NK và hình thức tập luyện TDDT NK của HS THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định thông qua khảo sát 1193 HS có tham gia tập luyện TDDT NK bằng phiếu hỏi. Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 2. Qua bảng 2 cho thấy:

Về hình thức tổ chức tập luyện TDDT NK: Có tới 65.80% tổng số HS tập luyện TDDT NK theo

hình thức không có người hướng dẫn, trong đó chủ yếu là HS tập luyện tự phát. Tỷ lệ HS tập luyện TDTT NK có người hướng dẫn chỉ chiếm 22.46%. Đây phần lớn là những HS tập luyện theo hình thức đội tuyển hoặc các CLB thể thao. Có 11.74% tổng số HS tập luyện theo cả 2 hình thức có và không có người hướng dẫn. Như vậy, đa số HS tập luyện theo hình thức tập luyện không có người hướng dẫn.

Về hình thức tập luyện TDTT NK: HS THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định tập luyện TDTT NK với đa dạng các hình thức tập luyện từ Thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, Đội tuyển thể thao, Tập theo nhóm – lớp, CLB thể thao và tự tập luyện, trong đó, hình thức được đông đảo HS tham gia thường xuyên nhất là tự tập luyện (chiếm tới 34.62% tổng số HS tập luyện TDTT NK). Các hình thức tập luyện theo các CLB thể thao và theo nhóm, lớp cũng được đông đảo HS tham gia tập luyện, hình thức tập luyện có ít HS tham gia tập luyện thường xuyên nhất là tập luyện theo đội tuyển thể thao. Có thể giải thích do đây là hình thức tập luyện có chọn lọc và yêu cầu người tập phải có năng khiếu ở các môn thể thao nhất định và tập luyện theo hình thức chuyên sâu. Kết quả khảo sát các Hình thức tập luyện TDTT

NK có những nét tương đồng với các hình thức tổ chức tập luyện TDTT nội khóa.

2.5. Thực trạng động cơ và nhu cầu tập luyện TDTT NK

Tiến hành khảo sát nhu cầu tập luyện TDTT NK của 2060 HS THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định thông qua phỏng vấn bằng phiếu hỏi. Việc khảo sát động cơ tập luyện TDTT NK của HS được tiến hành thông qua khảo sát 2060 HS có tham gia tập luyện TDTT NK. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 3. Qua bảng 3 cho thấy:

Về nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK: Có tới 79.27% số HS trong diện khảo sát của luận án có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK. Qua khảo sát cho thấy số lượng các em HS có nhu cầu tập luyện TDTT tăng lên so với số HS đang tham gia tập luyện. Việc tăng lên này là do các em trước đây không có điều kiện tham gia tập luyện, hiện giờ các em đã có điều kiện tham gia và đã sắp xếp được thời gian để tham gia tập luyện. Nhu cầu tham gia tập luyện của nam và nữ cũng có sự chênh lệch, qua kiểm tra chỉ số khi bình phương cho thì tỷ lệ HS nam và nữ có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng $P < 0.05$.

Bảng 2. Thực trạng hình thức hoạt động TDTT NK của học sinh THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định (n=1193)

TT	Hình thức tổ chức		m_i	%	Thứ tự
Hình thức tổ chức tập luyện TDTT NK					
1	Không có hướng dẫn		785	65.80	1
2	Có hướng dẫn		268	22.46	2
3	Kết hợp		140	11.74	3
Hình thức tập luyện TDTT NK					
1	Thể dục buổi sáng		161	13.50	4
2	Thể dục giữa giờ		159	13.33	5
3	Đội tuyển thể thao		76	6.37	6
4	Nhóm, lớp		205	17.18	2
5	Câu lạc bộ thể thao		179	15.00	3
6	Tự tập luyện		413	34.62	1

Bảng 3. Thực trạng động cơ và nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK của HS THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định (n=2060)

TT	Nội dung	Tổng số m_i	Giới tính						χ^2	P
			HS nam		HS nữ		So sánh			
			%	m_i	%	m_i	%			
1	Nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK (n=2060)									
		n=2060		n=1080		n=980		246.41	>0.05	
	- Có muốn tham gia tập luyện	1633	79.27	932	86.30	701	71.53			
	- Không muốn tham gia tập luyện	324	15.73	122	11.30	202	20.61			
- Phân vân	103	5.00	26	2.41	77	7.86				
2	Nhu cầu tham gia các môn TDTT NK (n=1633)									
		n=1633		n=932		n=701		231.06	<0.05	
	Điền kinh (đi bộ, chạy...)	431	26.39	206	22.10	225	32.10			
	Thể dục (Gym, dance sport, thể dục nhịp điệu, thể dục dưỡng sinh...)	312	19.11	85	9.12	227	32.38			
	Bơi lội	266	16.29	120	12.88	146	20.83			
	Bóng đá	431	26.39	341	36.59	90	12.84			
	Bóng rổ	216	13.23	123	13.20	93	13.27			
	Bóng chuyền (và bóng chuyền hơi)	407	24.92	191	20.49	216	30.81			
	Cầu lông	336	20.58	178	19.10	158	22.54			
	Bóng bàn	292	17.88	139	14.91	153	21.83			
	Võ cổ truyền Bình Định	371	22.72	201	21.57	170	24.25			
	Đá cầu	384	23.52	174	18.67	210	29.96			
	Cờ vua – cờ tướng	276	16.90	122	13.09	154	21.97			
3	Động cơ tham gia tập luyện TDTT NK									
		n=1633		n=932		n=701		348.05	>0.05	
	Nâng cao sức khỏe	896	54.87	327	35.09	569	81.17			
	Giải trí	432	26.45	287	30.79	145	20.68			
	Giao lưu	379	23.21	306	32.83	73	10.41			
	Rèn luyện ý chí	817	50.03	312	33.48	505	72.04			
	Yêu thích thể thao	802	49.11	474	50.86	328	46.79			
	Do người khác lôi kéo	150	9.19	48	5.15	102	14.55			
	Bị bắt buộc tập	64	3.92	28	3.00	36	5.14			
Nguyên nhân khác	146	8.94	70	7.51	76	10.84				

Về động cơ tham gia tập luyện TDTT NK: Đa số HS THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định tham gia tập luyện TDTT NK với các động cơ tập luyện tích cực, bền vững như: Nâng cao sức khỏe, Giải trí, Giao lưu, Rèn luyện ý chí, Yêu thích thể thao. Đây là những nguyên nhân khiến cho HS có thể tham gia tập luyện thường xuyên. Tuy nhiên, vẫn còn những HS tham gia tập luyện với các động cơ thiếu bền vững như: Do người khác lôi kéo hay do bị bắt buộc tập... Để phát triển phong trào tập luyện TDTT NK cần có các biện pháp tích cực chuyển số lượng HS tập luyện theo các động cơ thiếu bền vững về các động cơ bền vững.

3. KẾT LUẬN

- Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo công tác TDTT NK đã được quan tâm nhưng hiệu quả chưa cao, đôi khi còn chưa kịp thời; Nhận thức về vai trò và tác dụng của TDTT NK của các đối tượng khác nhau là khác nhau, trong đó còn một số GV các

môn học khác và HS nhận thức chưa đúng về vai trò và tác dụng của tập luyện TDTT NK.

- HS tập luyện TDTT NK với nội dung và hình thức đa dạng, phân tán cao ở cả nam và nữ. Hình thức tập luyện TDTT NK phổ biến nhất là tự tập luyện và các môn thể thao được tập luyện nhiều nhất là : Điền kinh (đi bộ, chạy...), Bóng chuyền (và Bóng chuyền hơi), Đá cầu, Võ cổ truyền Bình Định và Cầu lông. Các môn ở nam và nữ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

- HS có nhu cầu tập luyện TDTT NK lớn và có động cơ tập luyện TDTT NK tương đối bền vững. Nhu cầu tập luyện của HS tập trung vào cả các môn hiện đại như: Điền kinh, Bóng đá, Bóng chuyền (và Bóng chuyền hơi), Cầu lông... và cả các môn thể thao truyền thống như Đá cầu, Võ cổ truyền Bình Định. Nhu cầu tập luyện các môn thể thao ở nam và nữ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.



Ảnh minh họa - Nguồn Internet

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Quyết định số 14/2001/QĐ-BGDĐT ngày 03/05/2001 ban hành Quy chế GDTC và Y tế trường học*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Thể dục*, Ban hành kèm theo quyết định số 16.2006, ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Dương Nghiệp Chí (2007), “Thể thao trường học ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới”, *Tạp chí Khoa học thể thao*, số 1, tr.52 – 56, Viện Khoa học thể thao, Hà Nội.
4. Trần Đức Dũng và cộng sự (2014), Nghiên cứu sự phát triển thể chất của HS phổ thông từ lớp 1 tới lớp 12 (thời điểm 2002-2014), *Đề tài NCKH cấp Bộ*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
5. Trịnh Trung Hiếu (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục TDTT trong nhà trường*. Nxb TDTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích từ luận án tiến sĩ “Xây dựng chương trình tập luyện NK môn võ cổ truyền Bình Định cho HS THPT các huyện miền núi tỉnh Bình Định, Bùi Trọng Duy, dự kiến bảo vệ tháng 11/2022.

Ngày nhận bài: 16/6/2022; **Ngày duyệt đăng:** 28/8/2022